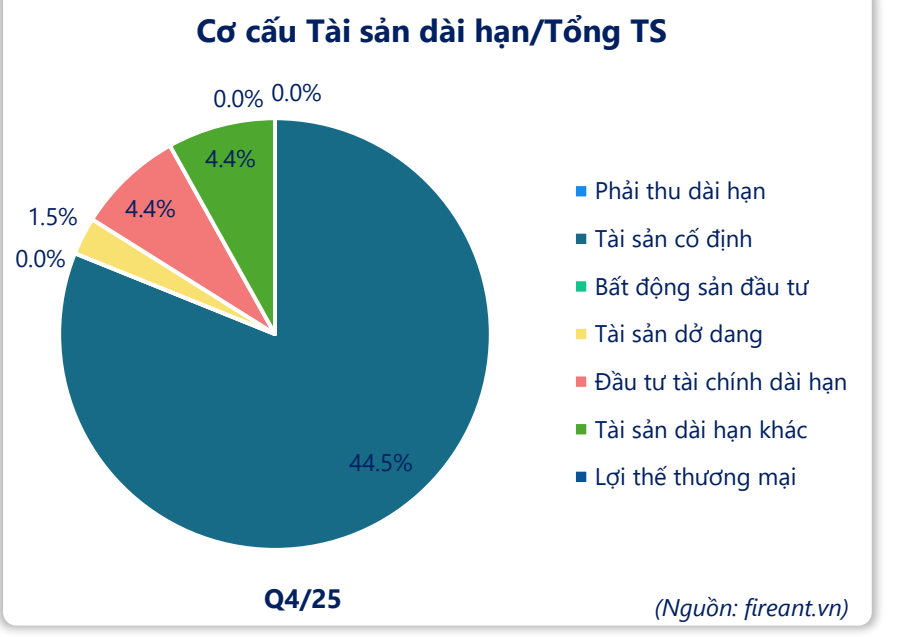
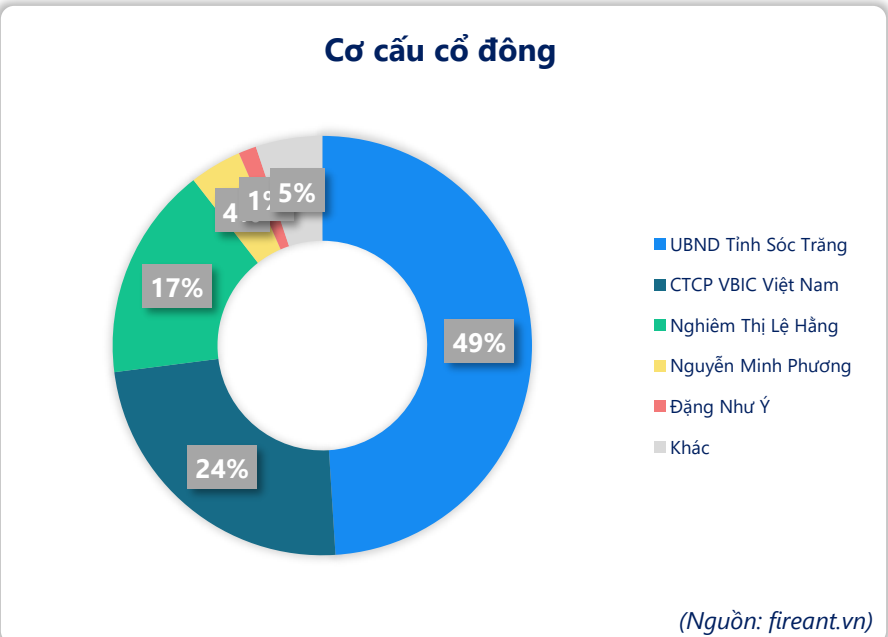
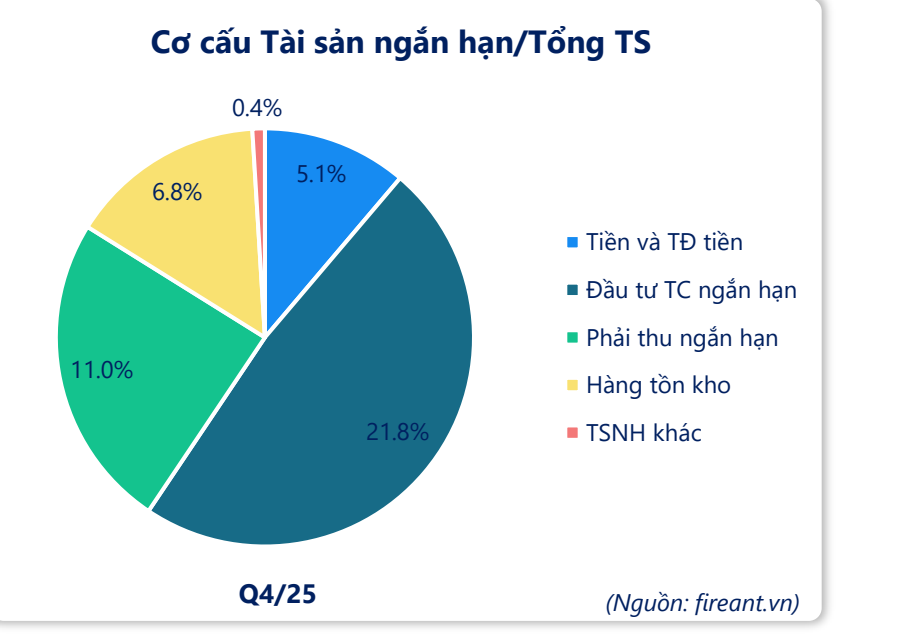
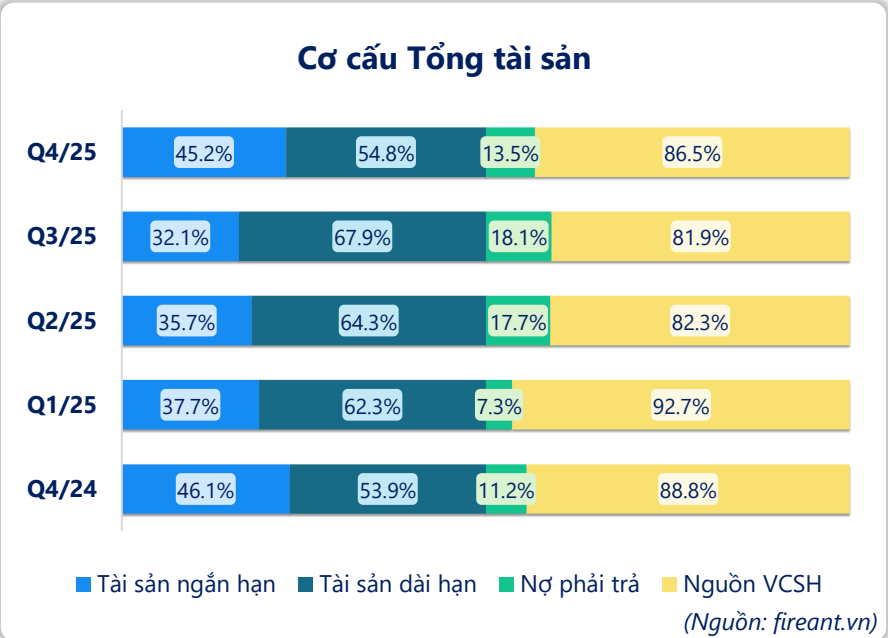
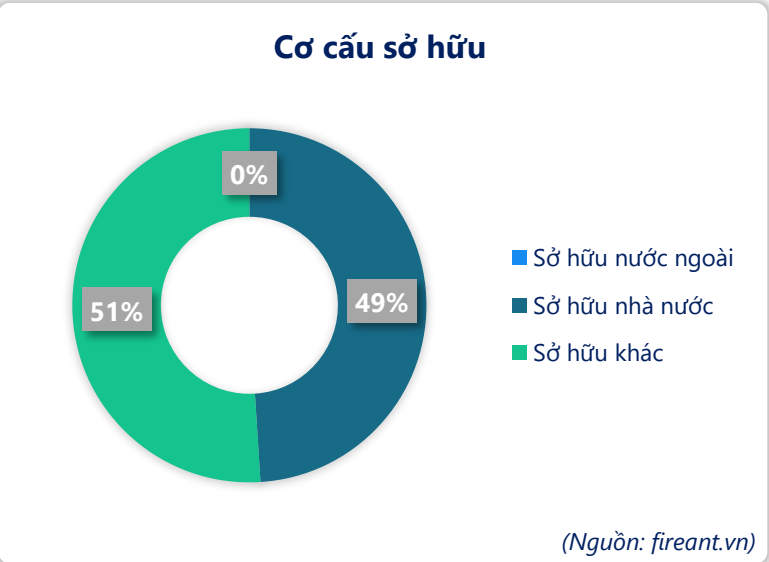
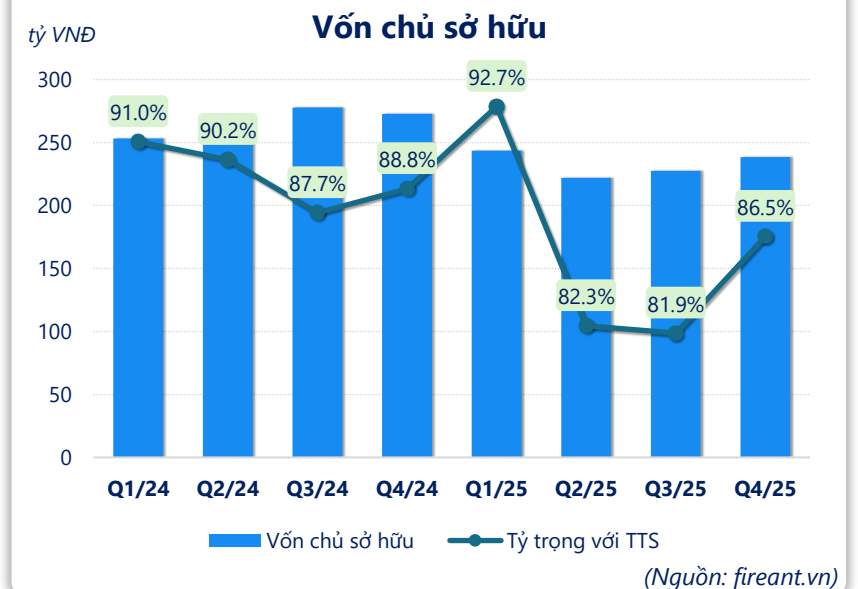
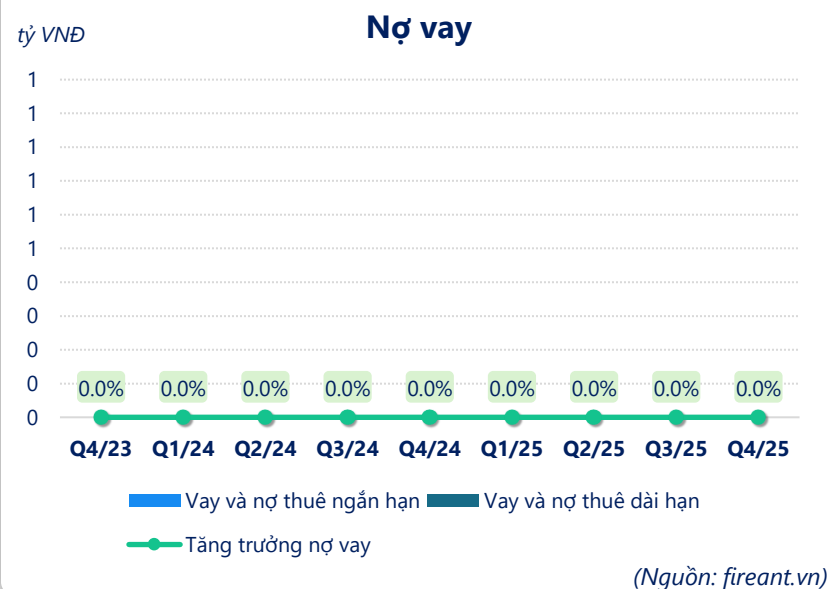
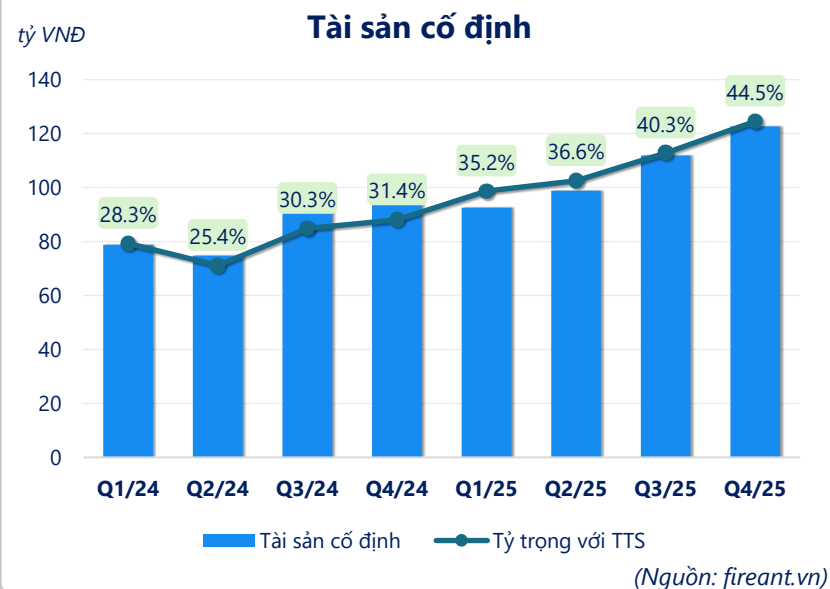
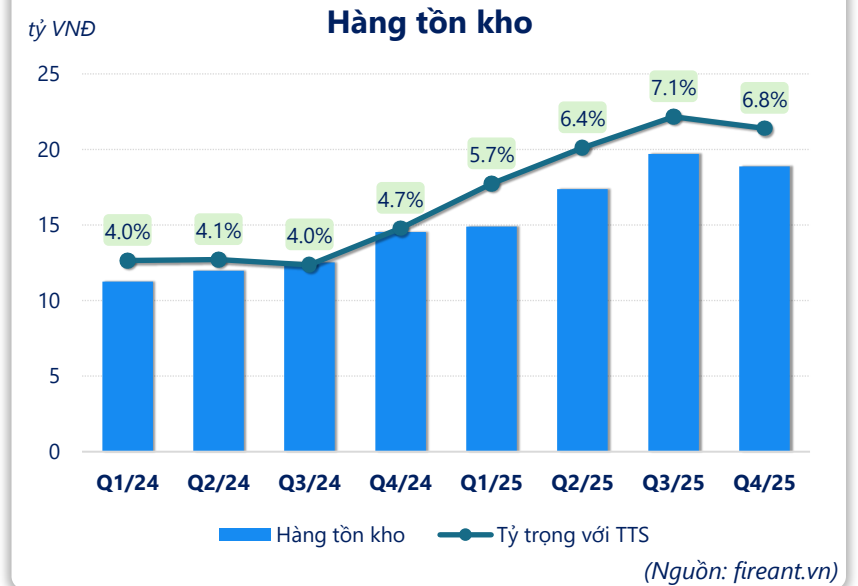
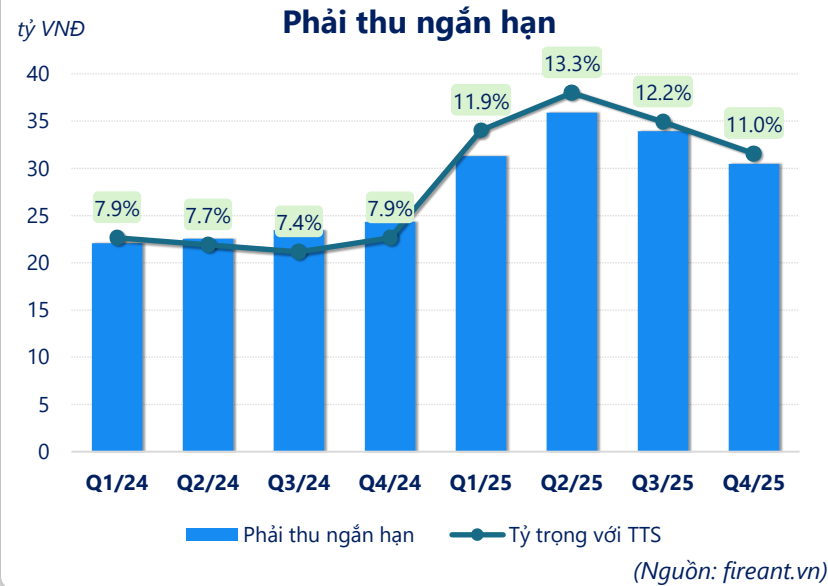
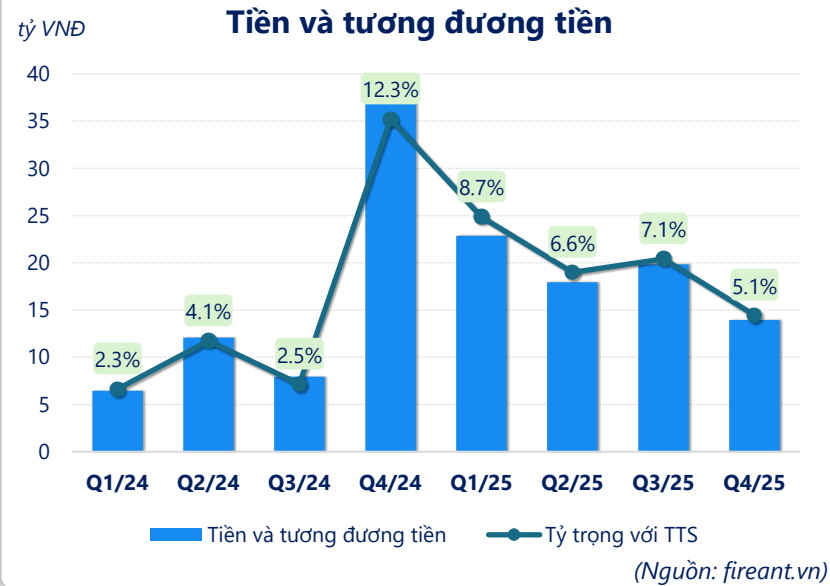
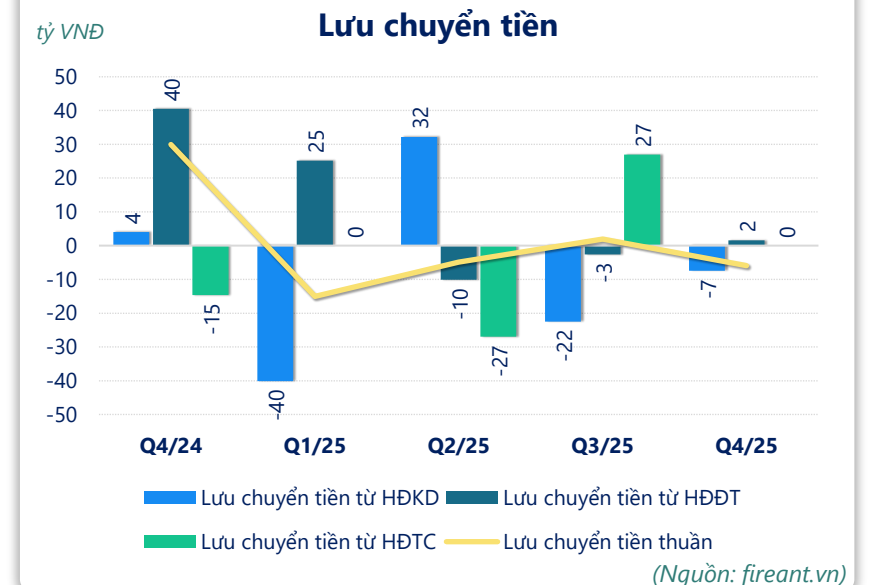
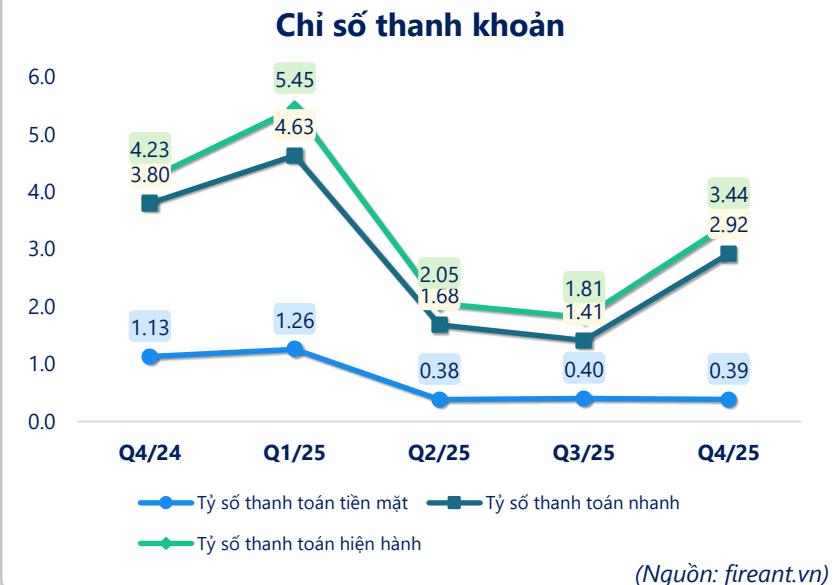
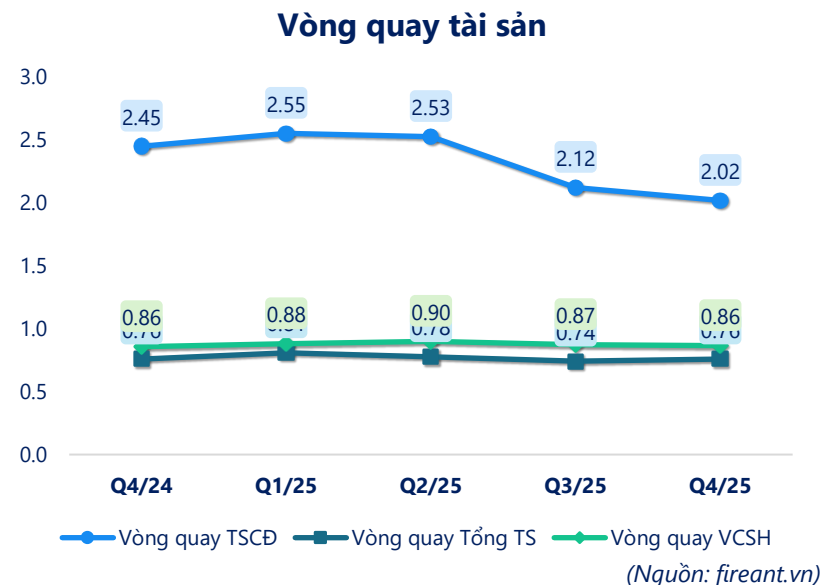
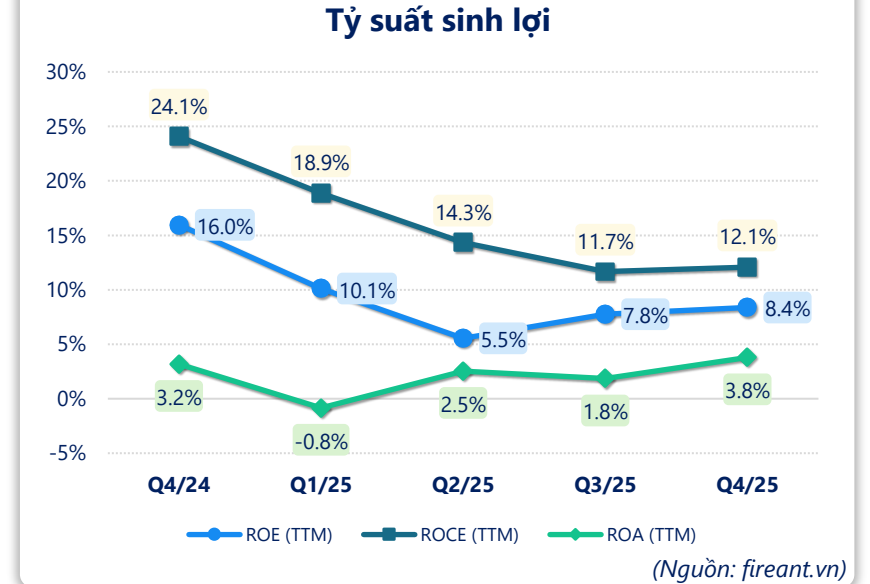
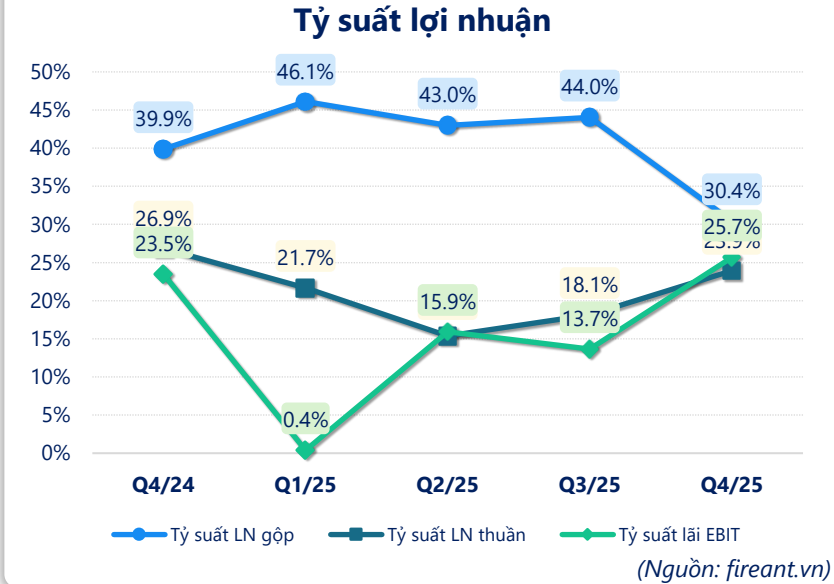
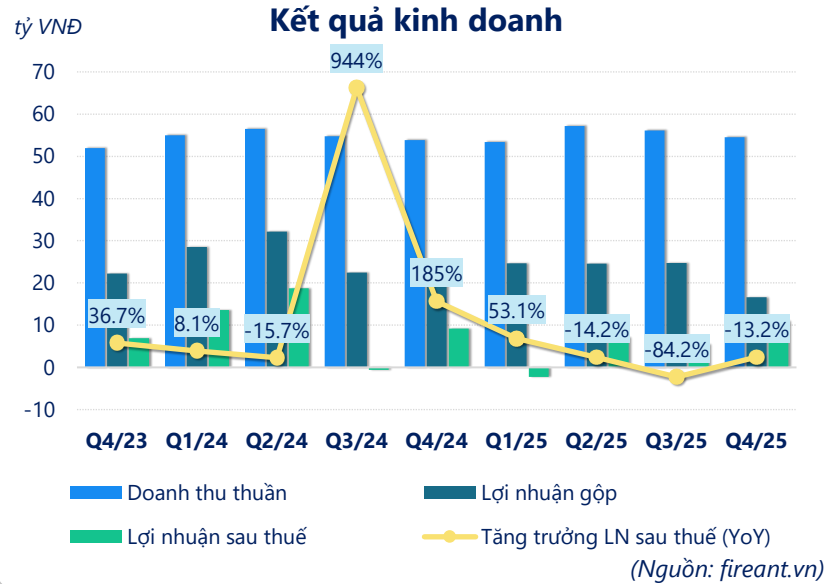


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		48,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,800
SL cổ phiếu LH		15,863,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,000
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		412
P/E		19.3
EPS		1,350

	YTD	1T	3T	6T
STW	-18.2%	0.0%	-25.1%	-12.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	276	307	-10.3%
Tài sản ngắn hạn	124	142	-12.2%
Tiền và tương đương tiền	13.9	37.9	-63.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	65.0	-7.7%
Phải thu ngắn hạn	30.5	24.3	25.1%
Hàng tồn kho	18.9	14.5	29.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.20	0	
Tài sản dài hạn	151	166	-8.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	123	96.6	27.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.26	1.68	154%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.1	67.1	-82.0%
Tài sản dài hạn khác	12.2	0.20	6058%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37.1	34.4	7.9%
Nợ ngắn hạn	36.2	33.5	7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.73	3.88	73.3%
Nợ dài hạn	0.98	0.90	9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	239	273	-12.6%
Vốn chủ sở hữu	239	273	-12.6%
Vốn điều lệ	159	159	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	53.9	53.4	57.1	56.1	54.5
Giá vốn hàng bán	32.4	28.8	32.6	31.4	37.9
Lợi nhuận gộp	21.5	24.6	24.6	24.7	16.6
Doanh thu HĐTC	10.6	0.53	0.36	0.09	3.97
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.05	6.65	8.24	5.85	-0.11
Chi phí QLDN	9.56	6.92	7.89	8.77	7.63
LN thuần từ HĐKD	14.5	11.6	8.79	10.2	13.0
Lợi nhuận khác	-1.83	-11.4	0.31	-2.51	0.95
LN trước thuế	12.6	0.21	9.10	7.66	14.0
Lợi nhuận sau thuế	9.23	-2.27	7.17	5.48	11.0
LNST của CĐ cty mẹ	9.23	-2.27	7.17	5.48	11.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.07	-40.2	32.1	-22.5	-7.47
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	40.5	25.1	-10.1	-2.61	1.57
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.6	0	-27.0	27.0	0
Tiền đầu kỳ	7.93	37.9	22.8	17.9	19.8
Lưu chuyển tiền thuần	29.9	-15.0	-4.91	1.90	-5.90
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	37.9	22.8	17.9	19.8	13.9

(Nguồn: fireant.vn)